

Ngày soạn: 25/9/2023

**Bài 2. VỀ ĐẸP CỔ ĐIỂN**

Thời gian thực hiện: 12 tiết

**Tiết 13,14****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.
- Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh.
- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học như được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội

**2. Năng lực****a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

**3. Phẩm chất:**

- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết khái quát một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Biết yêu quý trân trọng những giá trị văn hóa, văn học truyền thống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;
- Phiếu học tập, bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng kiểm đánh giá thái độ làm việc nhóm;
- Máy tính + máy chiếu (tì vi).

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 8, tập một;
- Vở ghi, bút, thước,...;
- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi mở: Em đã học những thể thơ nào? Nêu tên và đặc điểm của thể thơ đó

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước lớp, HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những chia sẻ hay và thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV tổng kết lại ý kiến và gợi dẫn: Thơ ca là sáng tạo đặc biệt của con người. Nó là những sợi tơ rút ra từ cuộc sống và quay trở lại trang điểm cho cuộc sống bằng vẻ đẹp muôn màu của nó. Thơ ca đã có mặt cùng với sự phát triển của nhân loại suốt bao thời kì lịch sử và người ta cũng bắt đầu chú ý đến những vai trò, tác dụng kì diệu của nó đối với cuộc sống, đối với tâm hồn con người. Ngoài những thể thơ các em đã được học trước đó, hôm nay cô và các em sẽ cùng tìm hiểu về một thể thơ với những yếu tố thi luật vô cùng đặc sắc qua chủ đề: Vẻ đẹp cổ điển

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung chủ đề *Vẻ đẹp cổ điển* và liên hệ được với những suy nghĩ trải nghiệm của bản thân.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** GV gợi dẫn HS thông qua các câu danh ngôn để đưa HS đến với chủ điểm bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chia sẻ được suy nghĩ, trải nghiệm bản thân về việc học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|---|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu học sinh thực hiện đọc phần giới thiệu bài học trng 38 – SGK</li> <li>- GV đặt câu hỏi: Em hiểu như thế nào về việc đưa văn hóa, những vẻ đẹp cổ điển vào văn học?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chia sẻ câu trả lời</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu trả lời của học sinh</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, tuyên dương tinh thần tham gia nhiệm vụ của lớp</li> <li>- GV chốt kiến thức về chủ đề bài học → Ghi lên bảng.</li> </ul> | <p><b>I. Giới thiệu bài học.</b></p> <p>Có thể nói nền văn hoá, văn học của một dân tộc là mạch nguồn sâu xa nuôi dưỡng trí tuệ tâm hồn con người. Vì vậy, hiểu biết, đón nhận và gìn giữ những di sản tinh thần của ông cha là trách nhiệm thiêng liêng với cộng đồng và với bản thân mỗi chúng ta.</p> <p>Đến với những bài thơ Đường luật trong bài học này, em sẽ được khám phá những vẻ đẹp cổ điển đặc sắc của nền văn học dân tộc. Các tác giả đã sử dụng thể thơ Đường luật một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo để ngợi ca cảnh sắc quê hương xứ sở và thể hiện bản sắc tâm hồn Việt. Văn bản thông tin kết nối về chủ đề giúp em hiểu thêm những vẻ đẹp ấy qua một hình thức sinh hoạt văn hoá độc đáo.</p> |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu được khái niệm của thơ Đường luật, Thất ngôn bát cú Đường luật, Tứ tuyệt Đường luật, biện pháp đảo ngữ, từ tượng hình và từ tượng thanh

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phần *Tri thức Ngữ Văn*.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức chung về nội dung phần *Tri thức Ngữ Văn*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu thơ Đường luật, Thất ngôn bát cú Đường luật, Tứ tuyệt đường luật</b></p> <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi nhằm kích hoạt kiến thức nền về những tri thức về thể thơ.</li> <li>- GV đặt câu hỏi mở rộng:<br/><i>Em hãy chỉ ra sự khác nhau giữa hai thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật và Tứ tuyệt Đường luật</i></li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành bài tập gợi dẫn.</li> <li>- HS nghe câu hỏi, đọc phần <i>Tri thức ngữ văn</i> và hoàn thành trả lời câu hỏi chốt lọc ý.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Dự kiến sản phẩm làm nhóm đôi:</b></p> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.</li> </ul> | <p><b>II. Tri thức Ngữ văn</b></p> <p><b>1. Thơ Đường luật</b></p> <p><b>Thơ Đường luật</b> là thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc), gồm hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thơ Đường luật có quy định <b>ng nghiêm ngặt về hòa thanh</b> (phối hợp, điều hòa thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp.</li> <li>- <b>Ngôn ngữ thơ Đường luật</b> rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,...</li> </ul> <p><b>2. Thất ngôn bát cú Đường luật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Về bố cục:</b> bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: đề (triển khai ẩn ý chứa trong nhan đề), thực (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), luận (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), kết (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới).</li> <li>- Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối.</li> <li>- <b>Về niêm và luật bằng trắc:</b> Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hòa, cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6; trong mỗi cặp câu (liên), các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.</li> <li>- <b>Về vần và nhịp:</b> Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có</li> </ul> |

## **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tri thức Tiếng Việt về biện pháp đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh**

### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS tiếp tục đọc thông tin trong mục *Tri thức Ngữ Văn* trong SGK (trang 40) về biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh, sau đó GV yêu cầu HS ghi chép những ý chính về đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ, từ tượng hình, từ tượng thanh được trình bày trong mục *Tri thức Ngữ Văn*.

### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS ghi chép

### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phân ghi chép của HS

### **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.

thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.

- **Về đối:** Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.

Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật bằng*

| Câu | Luật bằng trắc | Niêm       | Vấn | Đối |
|-----|----------------|------------|-----|-----|
| 1   | B B T T T B B  | Câu 1 và 8 | B   |     |
| 2   | T T B B T T B  | Câu 2 và 3 | B   |     |
| 3   | T T B B B T T  |            |     |     |
| 4   | B B T T T B B  | Câu 4 và 5 | B   | Đối |
| 5   | B B T T B B T  |            |     |     |
| 6   | T T B B T T B  | Câu 6 và 7 | B   | Đối |
| 7   | T T B B B T T  |            |     |     |
| 8   | B B T T T B B  | Câu 8 và 1 | B   |     |

Sơ đồ bài thơ thất ngôn bát cú theo *luật trắc*

| Câu | Luật bằng trắc | Niêm       | Vấn | Đối |
|-----|----------------|------------|-----|-----|
| 1   | T T B B T T B  | Câu 1 và 8 | B   |     |
| 2   | B B T T T B B  | Câu 2 và 3 | B   |     |
| 3   | B B T T B B T  |            |     |     |
| 4   | T T B B T T B  | Câu 4 và 5 | B   | Đối |
| 5   | T T B B B T T  |            |     |     |
| 6   | B B T T T B B  | Câu 6 và 7 | B   | Đối |
| 7   | B B T T B B T  |            |     |     |
| 8   | T T B B T T B  | Câu 8 và 1 | B   |     |

### **3. Tứ tuyệt Đường luật**

Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ. Về bố cục, nhiều bài thơ tứ tuyệt triển khai theo hướng: khởi (mở ý cho bài thơ), thừa (tiếp nối, phát triển ý thơ), chuyển (chuyển hướng ý thơ), hợp (thâu tóm ý tứ của toàn bài). Về luật thơ, bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.

### **4. Biện pháp tu từ đảo ngữ**

Đảo ngữ là biện pháp tu từ được tạo ra bằng cách thay đổi vị trí thông thường của các từ ngữ trong câu nhằm nhấn mạnh đặc điểm (màu sắc, đường nét,...), hoạt động, trạng thái của sự vật, hiện tượng, gợi ấn tượng rõ hơn hoặc bộc lộ cảm xúc của người viết (người nói).

### **5. Từ tượng hình và từ tượng thanh**

Từ tượng hình là từ gợi tả dáng vẻ, trạng thái của sự vật, từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên hoặc con người. Các từ tượng hình, từ tượng thanh có giá trị gợi hình ảnh, âm thanh và có tính biểu cảm, làm cho đối tượng cần miêu tả hiện lên cụ thể, sinh động.

## **C. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố những kiến thức về bài *Vẻ đẹp cổ điển phần tri thức ngữ văn* để giải quyết bài tập.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Củng cố những kiến thức về bài *Vẻ đẹp cổ điển phần tri thức ngữ văn* để giải quyết bài tập đơn giản.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập vẽ sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Sau khi học xong bài Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn, em tiếp thu được những tri thức gì? Hãy hệ thống hóa lại kiến thức đó bằng sơ đồ tư duy.*

- GV hướng dẫn HS hoàn thành sơ đồ tư duy hệ thống kiến thức bài học.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày sơ đồ đã hoàn thành trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**D. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng những kiến thức về bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn* để giải quyết bài tập, vấn đề thực tiễn.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS viết đoạn văn (5-7 câu) tóm tắt chủ đề 2.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Viết đoạn văn ngắn khoảng 3 -5 câu bày tỏ suy nghĩ của em về nhân vật Trần Quốc Toản

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập: *Viết đoạn văn (5-7 câu) tóm tắt chủ đề 1.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập.

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi một vài HS trình bày đoạn văn trước lớp, các HS khác quan sát, lắng nghe và bình chọn ra sản phẩm đẹp, đủ và đúng nhất.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thái độ học tập của cả lớp và tổng kết lại bài học.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Giới thiệu bài học và Tri thức Ngữ Văn*.

+ Soạn bài: **Thu điếu**

### Văn bản 1. THU ĐIẾU (Nguyễn Khuyến)

## I. MỤC TIÊU

### 1. Kiến thức:

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

- Phân tích được bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện trong văn bản

- HS chỉ ra và phân tích được các từ ngữ miêu tả màu sắc, âm thanh, chuyển động của các sự vật từ đó khái quát nét đẹp cổ điển của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

**2. Năng lực****a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thu điều*
- Năng lực nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Tranh ảnh về Nguyễn Khuyến, mùa thu ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Thu điều*

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chi sẻ cảm nhận về một mùa yêu thích trong năm và giải thích được lý do yêu thích

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu tranh 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông
- GV đặt câu hỏi gợi mở: Trong 4 mùa, em thích mùa nào nhất? Vì sao?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nghĩ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Thu điếu*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Thu điếu*

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM  |
|---|---|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguyễn Khuyến (1835-1909) hiệu là Quê Sơn, lúc nhỏ tên là Nguyễn Thăng.</li> <li>- Lớn lên và sống chủ yếu ở quê nội - làng Và, xã Yên Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.</li> <li>- Ông xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo.</li> <li>- Năm 1864, ông đỗ đầu kì thi Hương. Mấy kì sau thi tiếp lại trượt, đến năm 1871, ông đỗ đầu cả thi Hội và thi Đình → Do đỗ đầu cả ba kì thi nên Nguyễn Khuyến được gọi là Tam Nguyên Yên Đỗ</li> <li>- Tuy đỗ đạt cao nhưng ông chỉ làm quan hơn mười năm, còn phần lớn cuộc đời là dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà.</li> <li>- Nguyễn Khuyến là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, từng bày tỏ thái độ kiên quyết không hợp tác với chính quyền thực dân Pháp.</li> <li>- Sáng tác của Nguyễn Khuyến gồm cả chữ Hán và chữ Nôm với số lượng lớn, hiện còn trên 800 bài gồm thơ, văn, câu đối nhưng chủ yếu là thơ, trong đó nổi tiếng là ba bài thơ: <i>Thu vịnh</i>, <i>Thu điếu</i>, <i>Thu ẩm</i></li> </ul> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p>a. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Thu điếu</i> hay còn gọi là <i>Mùa thu câu cá</i> nằm trong chùm ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến gồm: <i>Thu điếu</i>, <i>Thu ẩm</i>, <i>Thu vịnh</i>.</li> <li>- Được viết trong thời gian khi Nguyễn Khuyến về ở ẩn tại quê nhà.</li> </ul> <p>b. Thể loại: Thất ngôn bát cú Đường luật</p> <p>c. Phương thức biểu đạt: miêu tả, biểu cảm</p> <p>d. Bố cục:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hai câu đề: Quang cảnh mùa thu.</li> <li>+ Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu.</li> <li>+ Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê..</li> <li>+ Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ.</li> </ul> |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối
- Phân tích được bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện trong văn bản
- HS chỉ ra và phân tích được các từ ngữ miêu tả màu sắc, âm thanh, chuyển động của các sự vật từ đó khái quát nét đẹp cổ điển của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua văn bản.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú Đường luật như bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Thu điếu*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Thu điếu*

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |              |        |      |       |       |      |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|---|--|--------------|--------|------|-------|-------|------|---|---|-------|----|-----|------|-----|------|-------|-----|---|---|---|---|---|---|---|-------|-----|-------|--------|-----|----|-----|-----|---|---|---|---|---|---|---|-------|------|------|------|-----|-----|-----|----|---|---|---|---|---|---|---|-------|----|------|-------|-----|-----|-----|-----|---|---|---|---|---|---|---|-------|------|-----|----|------|------|------|------|---|---|---|---|---|---|---|-------|-----|------|-------|----|-------|------|-----|---|---|---|---|---|---|---|-------|-----|-----|-------|-----|-----|-------|------|---|---|---|---|---|---|---|-------|----|-----|-----|------|------|------|-----|---|---|---|---|---|---|---|
| <p><b>Nhiệm vụ 1:</b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/>                     - GV chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập.<br/>                     - HS tiếp nhận nhiệm vụ.<br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>                     - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b><br/>                     - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>                     - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.</p> <p><b>Nhiệm vụ 2:</b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/>                     - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:<br/>                     + <i>Bức tranh thiên nhiên mùa thu được tái hiện ở những khoảng không gian nào? Nhận xét về trình tự miêu tả những khoảng không gian đó.</i><br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>                     - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b><br/>                     - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> | <p><b>II. Tìm hiểu chi tiết</b><br/> <b>1.Đặc điểm của thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật trong văn bản</b><br/>                     - Bố cục: gồm đủ 4 phần: đề - thực - luận - kết, mỗi phần 2 câu.<br/>                     - Niêm: có các cặp câu cùng thanh của chữ thứ 2: chiếc-biếc (T-T), vàng-mây (B-B), trúc-gối (T-T), thu-đâu (B-B).<br/>                     - Luật bằng trắc: Luật bằng (căn cứ vào chữ thứ 2 của câu 1 là thanh bằng)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th>Thứ tự tiếng</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> <th>7</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2">Câu 1</td> <td>Ao</td> <td>thu</td> <td>lạnh</td> <td>lẽo</td> <td>nước</td> <td>trong</td> <td>veo</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 2</td> <td>Một</td> <td>chiếc</td> <td>thuyền</td> <td>câu</td> <td>bé</td> <td>téo</td> <td>teo</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 3</td> <td>Sóng</td> <td>biếc</td> <td>theo</td> <td>làn</td> <td>hơi</td> <td>gợn</td> <td>tí</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 4</td> <td>Lá</td> <td>vàng</td> <td>trước</td> <td>ngõ</td> <td>khẽ</td> <td>đưa</td> <td>vèo</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 5</td> <td>Tầng</td> <td>mây</td> <td>lơ</td> <td>lững</td> <td>trời</td> <td>xanh</td> <td>ngát</td> </tr> <tr> <td>B</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 6</td> <td>Ngõ</td> <td>trúc</td> <td>quanh</td> <td>co</td> <td>khách</td> <td>vắng</td> <td>teo</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 7</td> <td>Tựa</td> <td>gối</td> <td>buông</td> <td>cần</td> <td>câu</td> <td>chẳng</td> <td>được</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> </tr> <tr> <td rowspan="2">Câu 8</td> <td>Cá</td> <td>đâu</td> <td>đớp</td> <td>động</td> <td>dưới</td> <td>chân</td> <td>bèo</td> </tr> <tr> <td>T</td> <td>B</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>T</td> <td>B</td> <td>B</td> </tr> </tbody> </table> <p>- Vần: eo<br/>                     - Nhịp: 2/ 2/3 hoặc 4/3<br/>                     - Đối: nắng xuống - trời lên.<br/> <b>2. Bức tranh thiên nhiên mùa thu</b><br/>                     Không gian trong bài thơ: tĩnh lặng, phẳng phát chút buồn (Vắng teo, trong veo, khẽ đưa vèo, hơi gợn tí, mây lơ lững).</p> | Thứ tự tiếng | 1      | 2    | 3     | 4     | 5    | 6 | 7 | Câu 1 | Ao | thu | lạnh | lẽo | nước | trong | veo | B | B | T | T | T | B | B | Câu 2 | Một | chiếc | thuyền | câu | bé | téo | teo | T | T | B | B | T | T | B | Câu 3 | Sóng | biếc | theo | làn | hơi | gợn | tí | T | T | B | B | B | T | T | Câu 4 | Lá | vàng | trước | ngõ | khẽ | đưa | vèo | T | B | T | T | T | B | B | Câu 5 | Tầng | mây | lơ | lững | trời | xanh | ngát | B | B | B | T | B | B | T | Câu 6 | Ngõ | trúc | quanh | co | khách | vắng | teo | T | T | B | B | T | T | B | Câu 7 | Tựa | gối | buông | cần | câu | chẳng | được | T | T | B | B | B | T | T | Câu 8 | Cá | đâu | đớp | động | dưới | chân | bèo | T | B | T | T | T | B | B |
| Thứ tự tiếng  | 1  | 2            | 3      | 4    | 5     | 6     | 7    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 1   | Ao   | thu          | lạnh   | lẽo  | nước  | trong | veo  |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | B  | B            | T      | T    | T     | B     | B    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 2   | Một  | chiếc        | thuyền | câu  | bé    | téo   | teo  |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | T  | T            | B      | B    | T     | T     | B    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 3   | Sóng   | biếc         | theo   | làn  | hơi   | gợn   | tí   |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | T  | T            | B      | B    | B     | T     | T    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 4   | Lá   | vàng         | trước  | ngõ  | khẽ   | đưa   | vèo  |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | T  | B            | T      | T    | T     | B     | B    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 5   | Tầng   | mây          | lơ     | lững | trời  | xanh  | ngát |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | B  | B            | B      | T    | B     | B     | T    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 6   | Ngõ  | trúc         | quanh  | co   | khách | vắng  | teo  |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | T  | T            | B      | B    | T     | T     | B    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 7   | Tựa  | gối          | buông  | cần  | câu   | chẳng | được |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | T  | T            | B      | B    | B     | T     | T    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
| Câu 8   | Cá   | đâu          | đớp    | động | dưới  | chân  | bèo  |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |
|   | T  | B            | T      | T    | T     | B     | B    |   |   |       |    |     |      |     |      |       |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |       |        |     |    |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |      |      |     |     |     |    |   |   |   |   |   |   |   |       |    |      |       |     |     |     |     |   |   |   |   |   |   |   |       |      |     |    |      |      |      |      |   |   |   |   |   |   |   |       |     |      |       |    |       |      |     |   |   |   |   |   |   |   |       |     |     |       |     |     |       |      |   |   |   |   |   |   |   |       |    |     |     |      |      |      |     |   |   |   |   |   |   |   |



- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

- Cảnh thu đẹp nhưng tĩnh lặng và đượm buồn: nước "trong veo", vắng người, ngô trúc quanh co khách vắng teo.
- Màu sắc trong sáng, tươi mát và vô cùng sinh động: sóng biếc, lá vàng, mây lơ lửng, trời xanh ngắt,...
- Các chuyển động cũng rất nhẹ, rất khẽ, không đủ để tạo ra âm thanh.
- *Cá đàu đớp động dưới chân bèo*: đây là tiếng động duy nhất nhưng nó không hề phá vỡ sự tĩnh lặng, mà ngược lại càng làm tăng sự yên ắng, tĩnh mịch của cảnh vật (thủ pháp lấy động tả tĩnh).

## 2. Nét đẹp điển hình của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ

Không khí mùa thu được gợi lên từ sự dịu nhẹ và thanh sơ của cảnh vật:

- Màu sắc: *nước trong veo, sóng biếc, trời xanh ngắt*
- Đường nét: *sóng hơi gợn tí, lá vàng khẽ đưa vèo, tầng mây lơ lửng.*
- Hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc: *ao thơ, thuyền câu, ngô trúc.*

\* Đó là cảnh thu ở làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ. Bài thơ không chỉ thể hiện cái hồn của cảnh thu mà còn là cái hồn của cuộc sống ở nông thôn xưa, dân dã nhưng vẫn đầy sức sống. Cái hồn đó được gợi lên từ ao thu, từ cánh bèo, từ ngô trúc quanh co.

## 4. Cảm xúc của nhà thơ

- Tâm hồn yên tĩnh, vắng lặng
- Cái lạnh, cái buồn của không gian như thấm sâu vào tâm hồn nhà thơ
- Cảnh thu đẹp, trong sáng và yên bình, mang vẻ đẹp của đồng quê dân dã, cho ta thấy tâm hồn gắn bó tha thiết với quê hương, đất nước của tác giả.

=> *Tâm sự của nhà thơ chính là nỗi lòng non nước, nỗi lòng thời thế của nhà nho có lòng tự trọng và lòng yêu quê hương, đất nước như Nguyễn Khuyến.*

## III. Tổng kết

### 1. Nghệ thuật

- Cách gieo vần đặc biệt: Vần “eo” (từ vận) khó làm, được tác giả sử dụng một cách thần tình, độc đáo, góp phần diễn tả một không gian vắng lặng, thu nhỏ dần, khép kín, phù hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của nhà thơ.

|  |   |
|--|---|
|  | <p>- Lấy động tả tĩnh- nghệ thuật thơ cổ phương Đông.</p> <p>- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.</p> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>- Bài thơ thể hiện sự cảm nhận và nghệ thuật gợi tả tinh tế của Nguyễn Khuyến về cảnh sắc mùa thu đồng bằng Bắc Bộ, đồng thời cho thấy tình yêu thiên nhiên, đất nước, tâm trạng thời thế và tài thơ Nôm của tác giả.</p> |
|--|---|

### C. LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Thu điếu*

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Viết kết nối với đọc

**c. Sản phẩm học tập:** bài viết của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ “Thu điếu”.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện viết đoạn văn

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

### D. VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *Thu điếu*, vẽ sơ đồ tư duy về bức tranh mùa thu được thể hiện qua văn bản

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS vẽ sơ đồ tư duy có sự hỗ trợ của HS và GV.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để vẽ sơ đồ

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Vẽ sơ đồ tư duy trên khổ giấy A4 về bức tranh mùa thu được thể hiện qua văn bản *Thu điếu*

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện vẽ sơ đồ tư duy

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

### Tiết 15.

## THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- HS xác định được từ tượng thanh và từ tượng hình
- HS nêu được tác dụng của từ tượng thanh và từ tượng hình
- HS phân tích được nét độc đáo khi liên kết các từ ngữ trong câu văn

#### 2. Năng lực

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập từ tượng hình, từ tượng thanh trong đoạn văn, đoạn thơ
- Năng lực trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng từ tượng hình và từ tượng thanh
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**3. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- HS xác định được từ tượng thanh và từ tượng hình
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC****A. KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi yêu cầu học sinh trả lời**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS**d. Tổ chức thực hiện:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Em hãy đặt 1 câu miêu tả lại hình dáng của một người thân trong gia đình và 1 câu miêu tả lại âm thanh tiếng chim hót, tiếng gió,... trong đó có sử dụng ít nhất 1 tính từ
- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ và giơ tay phát biểu
- GV gọi HS chia sẻ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC****Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm, đặc điểm, tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh****a. Mục tiêu:** HS nắm được khái niệm, đặc điểm, tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

HS nắm khái quát khái niệm, đặc điểm, tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến khái niệm, đặc điểm, tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

d. **Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|---|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK phần Tri thức ngữ văn và hoàn thành phiếu học tập</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày vào phiếu học tập</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>1. Từ tượng hình</b></p> <p>Từ tượng hình là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ của sự vật, chẳng hạn: gập ghềnh, khăng khiu, lom khom</p> <p>Ví dụ:<br/>Trong làn nắng ửng, khói mơ tan<br/>Đôi mái nhà tranh lấm tẩm vàng.<br/>(Hàn Mặc Tử, Mùa xuân chín)</p> <p>Từ <i>lấm tẩm</i> gọi hình ảnh những đốm nắng rải qua vòm cây, in trên những mái nhà tranh, gọi khung cảnh bình yên của buổi bình minh mùa xuân nơi làng quê</p> <p><b>2. Từ tượng thanh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là từ mô phỏng âm thanh trong thực tế, chẳng hạn: khúc khích, róc rách, tích tấc,...</li> </ul> <p>Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội Những phố dài xao xác hơi may.<br/>(Nguyễn Đình Thi, Đất nước)</p> <p>Từ <i>xao xác</i> gọi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của tiếng lá và tiếng gió trong không gian im vắng, tĩnh lặng của một Hà Nội cổ kính, êm đềm</p> |

### C. LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về từ tượng hình và từ tượng thanh

\* **Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gọi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 42

c. **Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 42

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

### D. VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về từ tượng hình và từ tượng thanh để viết đoạn văn ngắn với chủ đề yêu cầu sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và tượng thanh

\* **Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS viết đoạn văn ngắn khoảng 3 – 5 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng 1 từ tượng hình và 1 từ tượng thanh

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và 2 từ tượng thanh

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 7 – 10 dòng miêu tả vẻ đẹp của một mùa trong năm sử dụng ít nhất 2 từ tượng hình và 2 từ tượng thanh

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

HS viết bài

**\* Đoạn văn mẫu**

Mùa xuân đã về trên quê hương tôi. Không khí mùa xuân thật ấm áp. Những hạt mưa xuân *lất phất* (từ tượng hình) bay. Chim đậu trên cành *hót líu lo* (từ tượng thanh) tạo thành một dàn đồng ca mùa xuân nghe mới thú vị làm sao! Người từ nhiều phương đổ về đông nghịt, trông mặt ai cũng rạng rỡ trong bộ quần áo mới toanh, họ cười nói *ríu rít* (từ tượng thanh), vui vẻ. Cành đào lúc bấy giờ mới nở rộ trông như những chiếc cúc áo của nàng tiên mùa xuân ban tặng cho cây. Khi ấy, trông mấy bông hoa đào mới thật là đẹp! Vườn cây sau nhà cũng rộn ràng tiếng hót của mấy chú chim. Bầu trời trong xanh, cao vùn vụt, tô điểm cho bầu trời là những cánh én chao lượn. Trời sáng hơn chút nữa, tôi có thể nhìn rõ được quang cảnh những con người đi lại *tấp nập* (từ tượng hình) nhờ màn sương đêm tan dần. Trên đầu những ngọn cỏ may sương đêm vẫn còn đọng lại lấp lánh, khi ánh mặt trời chiếu vào chúng càng trở nên lấp lánh hơn. Tôi yêu nhất mùa xuân quê tôi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, cách sử dụng từ tượng hình, từ tượng thanh

+ Soạn bài *tiếp theo*

**\* Đáp án bài tập phần luyện tập**

**Câu 1 (trang 42 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Chỉ ra các từ tượng hình và từ tượng thanh trong những trường hợp sau:

a. Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

[...] Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

(Nguyễn Khuyến, Thu điếu)

b. Líu lo kìa giọng vàng anh

Mùa xuân vắt vẻo trên nhành lộc non.

(Ngô Văn Phú, Mùa xuân)

c. Tôi không nhớ tôi đã nghe tiếng chồi non tách vỏ lúc nào, tôi cũng không nhớ tôi đã nghe tiếng chim lích chích mổ hạt từ đâu, nhưng tôi cảm nhận tất cả một cách rõ rệt trong từng mạch máu đang phập phồng bên dưới làn da.

(Nguyễn Nhật Ánh, Tôi là Bê-tô)

**Trả lời:**

| Từ tượng hình                                     | Từ tượng thanh      |
|---|---------------------|
| Lạnh lẽo, tẻo teo, quanh co, vắt vẻo, phập phồng. | Líu lo, lích chích. |

**Câu 2 (trang 42 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Xác định và phân tích tác dụng của các từ tượng hình, từ tượng thanh trong những đoạn thơ sau:

- a. Năm gian nhà có thấp le te  
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe  
Lung giậu phát phơ màu khói nhạt  
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.  
(Nguyễn Khuyến, Thu âm)
- b. Sáng hồng lơ lửng mây son,  
Mặt trời thức giấc véo von chim chào.  
Cổng làng rộng mở. Ôn ào,  
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.  
(Bàng Bá Lân, Cổng làng)

**Trả lời:**

a. Từ tượng hình: le te, lập lòe, phát phơ, lóng lánh.  
Tác dụng: “Le te” cho thấy là lụp xụp và chẳng còn lành lặn. Tiếp đến ngõ tối và đêm sâu là cảnh bình thường nhưng ánh lửa đóm đóm “lập lòe” lúc tối, lúc sáng làm cho ngõ tối và đêm sâu cũng biến dạng. Sương thu lớt phớt như làn khói mỏng phủ lên bờ giậu “phát phơ”, khiến cho rặng cây cũng nhạt bớt màu đêm. Bóng trăng trên mặt nước lúc dồn lại, lúc loe ra, biến dạng liên tiếp “lóng lánh”. Các từ tượng hình gợi khung cảnh mùa thu làng quê với tình thu man mác, dào dạt,...

b.

- Từ tượng hình: lơ lửng, lững thững
- Từ tượng thanh: véo von, ôn ào

Tác dụng: Từ “lơ lửng” gợi hình ảnh nắng hồng đang lên, từ “véo von” gợi tả âm thanh tiếng chim, từ “ôn ào” gợi tả âm thanh của cảnh làng quê buổi sáng, từ “lững thững” gợi dáng hình những người nông dân bước đi vào buổi sáng. Các từ tượng hình, tượng thanh ấy gợi tả một khung cảnh làng quê sáng sớm đẹp, yên bình.

**Câu 3 (trang 43 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu nêu bên dưới:  
Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vụt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim manh manh mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.  
(Đoàn Giỏi, Đất rừng Phương Nam)

- a. Liệt kê các từ tượng hình và từ tượng thanh trong đoạn văn trên.  
b. Phân tích tác dụng của một từ tượng hình và một từ tượng thanh trong đoạn văn.

**Trả lời:**

a.

- Từ tượng hình: li ti
- Từ tượng thanh: lao xao, vù vù, líu ríu

b.

- Từ “li ti” gợi hình ảnh những chấm trắng trên bộ lông của con chim manh manh, gợi khung cảnh đẹp và phong phú của đất rừng phương Nam.
- Từ “lao xao” gợi âm thanh thoảng nhẹ, mơ hồ của gió trong không gian im vắng, tĩnh lặng của núi rừng phương Nam.

**Tiết 16,17. VĂN BẢN 2: THIÊN TRƯỜNG VẤN VỌNG**  
**Ngắm cảnh Thiên Trường trong buổi chiều tà**  
(Trần Nhân Tông)

**I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- HS nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ
- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - một vị hoàng đế - thi nhân

## 2. Năng lực

### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Thiên Trường văn vọng và tác giả Trần Nhân Tông*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về bức tranh hoàng hôn được thể hiện trong bài thơ

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

## 3. Phẩm chất:

- Biết ơn, tự hào về các thế hệ trước, biết trân trọng, giữ gìn di sản văn hóa mà ông cha để lại

### \* Đối với học sinh khuyết tật:

- HS nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Biết ơn, tự hào về các thế hệ trước, biết trân trọng, giữ gìn di sản văn hóa mà ông cha để lại

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh vua Trần Nhân Tông;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài

### \* Đối với học sinh khuyết tật:

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV chiếu video về địa danh Thiên Trường

**link:** [https://youtu.be/E7Uoo9c\\_pb0](https://youtu.be/E7Uoo9c_pb0)

Đặt câu hỏi gợi mở vào bài học: Sau khi xem xong video em có nhận xét gì về địa danh phủ Thiên Trường

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video về địa danh Thiên Trường:

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ cảm nhận, hiểu biết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về cảm nhận của mình

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm

### \* Đối với học sinh khuyết tật:

Nắm khái quát những thông tin về tác giả, tác phẩm

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm “*Thiên Trường vãn vọng*”

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến tác giả, tác phẩm *Thiên Trường vãn vọng*

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM  |
|---|---|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, nêu hiểu biết về tác giả, tác phẩm.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>I. Tìm hiểu chung</b></p> <p><b>1. Tác giả: Trần Nhân Tông (1258 – 1308)</b></p> <p>Là vị vua thứ ba của nhà Trần</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ông là vị hoàng đế anh minh đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng hai cuộc xâm lược của quân Nguyên và khôi phục nền kinh tế, văn hóa Đại Việt.</li> <li>- Trần Nhân Tông còn là vị thiền sư sáng lập dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, đồng thời là một tác giả đóng góp quan trọng cho nền văn học dân tộc.</li> <li>- Thơ Trần Nhân Tông tràn đầy cảm hứng yêu nước và hào khí Đông A, cảm xúc tinh tế, lãng mạn, sâu sắc mà vẫn gần gũi, thân thuộc, ngôn ngữ thơ hàm súc, hình ảnh vừa chân thực, bình dị vừa giàu ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng.</li> </ul> <p><b>2. Tác phẩm</b></p> <p>a. Hoàn cảnh sáng tác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thơ <i>Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra</i> được sáng tác trong dịp Trần Nhân Tông về thăm quê cũ ở Thiên Trường (thuộc tỉnh Nam Định ngày nay).</li> </ul> <p>b. Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật</p> <p>c. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm</p> <p>d. Bố cục</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Gồm 2 phần : <ul style="list-style-type: none"> <li>Phần 1. Hai câu đầu. Cảnh sắc thiên nhiên ở phủ Thiên Trường.</li> <li>Phần 2. Hai câu sau. Sự hòa hợp giữa con người với thiên nhiên.</li> </ul> </li> </ul> |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ

- HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - một vị hoàng đế - thi nhân

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- HS nhận biết khái quát bố cục, niêm, luật bằng trắc của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật thể hiện trong bài thơ

- HS biết khái quát đặc điểm của bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn từ đó cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của tác giả - một vị hoàng đế - thi nhân



**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b><u>Nhiệm vụ 1:</u></b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/>           - GV yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:<br/> <i>Chỉ ra các yếu tố đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật được thể hiện trong văn bản?</i><br/>           - HS tiếp nhận nhiệm vụ.<br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>           - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b><br/>           - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>           - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.<br/> <b><u>Nhiệm vụ 2:</u></b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/>           - GV yêu cầu HS làm việc theo Phương pháp Khăn trải bàn, trả lời câu hỏi:<br/> <i>+ Trong bài thơ, cảnh vật được miêu tả vào thời điểm nào trong ngày và gồm những chi tiết gì? (Về ánh sáng, âm thanh, màu sắc và cảnh vật)</i><br/> <i>Câu hỏi tổng kết: Nhận xét về bức tranh thiên nhiên trong bài thơ dưới ngòi bút miêu tả của Trần Nhân Tông</i><br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>           - HS thảo luận theo nhóm 4, suy nghĩ để trả lời.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b><br/>           - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/>           - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p> | <p><b>II. Tìm hiểu chi tiết</b><br/> <b>1. Đặc điểm của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật được thể hiện trong bài</b><br/>           - Đặc điểm: Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt (4 câu, mỗi câu 7 chữ)<br/>           Cách gieo vần: Các câu 1, 2, 4 hoặc 2, 4 hiệp vần với nhau ở chữ cuối.<br/>           Ngôn ngữ: cô đọng, hàm súc.<br/>           - Đặc điểm trong bài thơ: Cách gieo vần: Các câu 1, 2, 4 hiệp vần với nhau (yên, biên, điền)<br/>           Ngôn ngữ: Chỉ bằng một bài thơ thất ngôn tứ tuyệt tác giả đã diễn tả được cảnh sắc vùng quê trầm lặng nhưng không đìu hiu mà vẫn có sự sống của con người, đồng thời bộc lộ tình yêu quê hương sâu đậm.<br/> <b>2. Bức tranh cuộc sống bình yên, thơ mộng nơi làng quê buổi hoàng hôn</b><br/>           + Thời gian: buổi chiều tà, sắp về tối.<br/>           + Không gian: trước xóm sau thôn – khung cảnh làng quê Việt Nam.<br/>           + Cảnh vật: “bán vô bán hữu” - phong cảnh mờ ảo, vừa như có lại vừa như không có, vừa thực, lại vừa không có thực gợi nên quang cảnh làng quê yên bình đang mờ trong sương khói, cảnh vừa có nét thực vừa có nét ảo.<br/>           → Bức tranh thiên nhiên độc đáo, mơ hồ như tranh họa đồ<br/>           - Sự hòa quyện, đan xen giữa con người và thiên nhiên:<br/>           + Hình ảnh về một chú bé mục đồng – trẻ chăn trâu đã gợi lên trong tác giả những kỉ niệm về tuổi thơ của chính mình.<br/>           + Đàn trâu trở về.<br/>           + Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.<br/>           =&gt; Cảnh vật bình dị, gần gũi, quen thuộc với làng quê Việt Nam.<br/>           - Nỗi buồn xót xa và nỗi lòng thâm kín của tác giả: Âm thanh: sáo vắng – tiếng sao vắng vắng đầu đó nơi chốn làng quê.<br/>           =&gt; Tiếng sáo ấy hay chính là tiếng lòng của tác giả, nó chứa đựng một nỗi buồn xót xa.<br/> <b>III. Tổng kết</b><br/> <b>1. Nghệ thuật</b></p> |

|  |  |
|--|--|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp điệp ngữ và tiêu đối sáng tạo</li> <li>- Nhịp thơ êm ái hài hòa</li> <li>- Sử dụng ngôn ngữ miêu tả đậm chất hội họa</li> <li>- Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt</li> </ul> <p><b>2. Nội dung</b></p> <p>Cảnh tượng buổi chiều ở phủ Thiên Trường là cảnh tượng vùng quê trầm lặng mà không đìu hiu. Ở đây vẫn ánh lên sự sống của con người trong sự hòa hợp với cảnh vật thiên nhiên một cách nên thơ. Qua đó giúp chúng ta thấy rằng, tác giả tuy có địa vị tối cao nhưng tâm hồn vẫn gắn bó máu thịt với quê hương dân dã</p> |
|--|--|

### C. LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Thiên Trường vãn vọng*

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ Viết kết nối với đọc

c. **Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn ( khoảng 7 - 9 câu) trình bày cảm nhận của em về nhan đề hoặc một hình ảnh đặc sắc trong bài thơ Thiên Trường vãn vọng.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS theo dõi, hoàn thành bài viết

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

### D. VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản Thiên Trường vãn vọng để hoàn thành nhiệm vụ

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi: *Qua bài thơ “Buổi chiều đứng ở phủ Thiên Trường trông ra” em có suy nghĩ gì khi tác giả là một ông vua chứ không phải là một người dân quê? Từ đó, em có thể nhận xét gì thêm về thời nhà Trần trong lịch sử nước ta?*

c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh

d. **Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện trả lời câu hỏi

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

## Tiết 18. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT (BIỆN PHÁP TU TỪ)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực trình bày suy nghĩ về tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

#### 3. Phẩm chất:

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

##### \* Đối với học sinh khuyết tật:

- Học sinh nhận biết được đặc điểm và hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ để vận dụng vào các hoạt động đọc, viết, nói và nghe

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

#### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

##### \* Đối với học sinh khuyết tật:

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Đặt câu hỏi gợi mở

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV đặt câu hỏi phát vấn “ Theo em “đảo ngữ” nghĩa là gì?

- GV yêu cầu học sinh suy nghĩ trả lời

##### Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

##### Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận

- Phân trả lời của học sinh

##### Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

#### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm khái quát đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK trang 45</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p>Đảo ngữ trong tiếng Việt là một hình thức tu từ có đặc điểm: thay đổi vị trí thông thường của một từ, cụm từ trong câu nhưng không làm mất đi quan hệ cú pháp vốn có, nhằm mục đích nhấn mạnh, thể hiện cảm xúc của người viết hoặc tạo hình ảnh, đường nét, màu sắc.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biện pháp tu từ đảo ngữ có hai hình thức cơ bản: đảo các thành tố trong cụm từ và đảo các thành phần trong câu. Tác dụng chính của biện pháp tu từ này là nhấn mạnh nội dung biểu đạt ở từ ngữ được đảo lên trước.</li> </ul> <p>Ví dụ:</p> <p>Tìm nơi thăm thẳm rừng sâu<br/>     Bập bùng hoa chuối, trắng màu hoa ban.<br/>     (Nguyễn Đức Mậu, Hành trình của bầy ong)</p> <p>Thông thường, trong tiếng Việt, tính từ thăm thẳm được đặt sau cụm từ rừng sâu. Nhưng ở dòng thơ thứ nhất, tính từ thăm thẳm đã được đảo vị trí lên trước nhằm nhấn mạnh không gian hoang vắng, nguyên sơ của rừng già.</p> <p>Tương tự, ở dòng thơ thứ hai, có sự thay đổi trật tự cú pháp của hai thành phần trong các vế câu: vị ngữ (bập bùng, trắng) được đảo lên trước chủ ngữ (hoa chuối, hoa ban). Việc đảo trật tự này có tác dụng làm nổi bật màu đỏ của những bông hoa chuối rừng như ngọn lửa giữa ngàn xanh và không gian tràn ngập sắc trắng của hoa ban.</p> |

**C. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về từ ngữ địa phương

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 45 - 46

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 45– 46

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**D. VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn khoảng 8-10 câu trong đó có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn khoảng 3-5 câu trong đó có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài viết

**c. Sản phẩm học tập:** Bài làm của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Viết đoạn văn ngắn khoảng 10-12 câu trong đó có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ về một trong các chủ đề sau: miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập, nắm được khái niệm, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ

+ Soạn bài *tiếp theo*

**\* Phụ lục:**

**Câu 1 (trang 45 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Chỉ ra câu thơ, câu văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong các trường hợp sau:

a. Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

(Trần Tế Xương, Thương vợ)

b. Xóm làng xanh mát bóng cây

Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời

(Trần Đăng Khoa, Quê em)

c. Chị Dậu về đến đầu nhà đã nghe tiếng khóc khàn khàn của hai đứa trẻ. Sấp ngửa, chị chạy vào cổng, quăng cả rổ mẹt, mề nón xuống sân, rồi vội vàng chị vào trong nhà.

(Ngô Tất Tố, Tắt đèn)

**Trả lời:**

Các câu thơ câu văn có sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ:

a. Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

b. Xóm làng xanh mát bóng cây

Sông xa trắng cánh buồm bay lưng trời.

d. Sấp ngửa, chị chạy vào cổng, quăng cả rổ mẹt, mề nón xuống sân, rồi vội vàng chị vào trong nhà.

**Câu 2 (trang 45 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.

(Bà Huyện Thanh Quan, Qua Đèo Ngang)

- Chỉ ra các câu thơ sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong đoạn thơ.
- Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong từng câu thơ.

**Trả lời:**

- Các câu thơ sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ trong đoạn thơ:

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỗi miệng cái gia gia.

- Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong từng câu thơ:

- Nghệ thuật đảo ngữ nhấn mạnh vào dáng “lom khom” của những chú tiêu, cái “lác đác” của mấy ngôi nhà ven sông kết hợp các từ chỉ số lượng ít ỏi “vài”, “mấy” khiến cho hình bóng con người đã nhỏ lại càng nhỏ hơn, cuộc sống đã hiu quạnh lại càng hiu quạnh hơn.

- Nghệ thuật đảo ngữ “nhớ nước”, “thương nhà” nhấn mạnh vào tiếng kêu của con quốc và cái gia gia. Những âm thanh của cuộc kêu cũng chính là nỗi lòng của Bà Huyện Thanh Quan. Chữ vừa ghi âm thanh nhưng đồng thời còn bộc lộ tâm trạng, ý tứ của tác giả, qua đó làm nổi bật tâm trạng, nỗi niềm của nữ sĩ.

**Câu 3 (trang 46 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các đoạn thơ sau:

- Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ bầy chim dáo dác bay.

(Nguyễn Đình Chiểu, Chạy giặc)

- Con đê cát đỏ cỏ viên

Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.

(Hoàng Tô Nguyên, Gò Me)

- Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.

(Té Hanh, Quê hương)

**Trả lời:**

a. Nhấn mạnh khung cảnh chạy giặc. Những đứa trẻ phải bỏ nhà, chạy lơ xơ. Bầy chim bị mất ổ dáo dác bay. Một khung cảnh hỗn loạn, xơ xác, tan thương.

b. Nhấn mạnh bức tranh thiên nhiên Gò Me sinh động, tươi mát, tràn ngập sức sống với thiên nhiên trù phú, và sự bình yên, thư thả với các hình ảnh bình dị.

c. Nhấn mạnh cảnh ồn ào, tấp nập trên bến khi đón thuyền về và niềm vui trước những thành quả lao động, gợi ra một sức sống, nhịp sống náo nhiệt.

**Tiết 19.****Văn bản 3: CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG (Hà Ánh Minh)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức**

- Nhận biết được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu giá trị của một sản phẩm văn hoá truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.

**2. Năng lực****a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Ca Huế trên sông Hương*.

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Giúp HS có thái độ và hành động tích cực góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và độc đáo này.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Nhận biết khái quát được vẻ đẹp của ca Huế, hiểu giá trị của một sản phẩm văn hoá truyền thống được ông cha sáng tạo, gìn giữ và truyền lại.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Có thái độ và hành động tích cực góp phần bảo tồn, phát triển di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và độc đáo này.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### A. KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

b. **Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

#### d. Tổ chức thực hiện:

GV cho HS xem video, nghe hát Ca Huế và dẫn vào bài học

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Huế không chỉ được biết là vùng cố đô linh thiêng với những danh thắng đẹp, có giá trị lịch sử lâu đời mà còn có rất nhiều di sản văn hóa nổi tiếng. Trong đó có một thể loại được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đó chính là Ca Huế. Trong bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về hình thức trình bày cũng như ý nghĩa của làn điệu ca Huế qua văn bản Ca Huế trên sông Hương.

### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

#### Hoạt động 1: Đọc - tìm hiểu chung

a. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

#### d. Tổ chức thực hiện:

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM  |
|--|---|
| <p><b>Thao tác 1: đọc- chú thích</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng chiến lược: <b>theo dõi, dự đoán và đối chiếu</b></li> <li>- Gv giải thích một số từ khó cho học sinh.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS theo dõi sgk</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá</li> </ul> | <p><b>I. <u>Đọc- Tìm hiểu chung</u></b></p> <p><b>1. <u>Đọc- chú thích</u></b></p> <p><b>a. <u>Đọc</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc với giọng diễn cảm, nhẹ nhàng.</li> <li>- Sử dụng chiến lược: <b>theo dõi, dự đoán và đối chiếu</b></li> </ul> <p><b>b. <u>Chú thích</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Ca Huế:</b> một thể loại âm nhạc cổ truyền của cố đô Huế</li> <li>- <b>Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh, hò giã gạo, ru em, giã xôi, giã điệp, bài chòi, xay lúa, hò nện, lí con sáo, lí hoài xuân, lí hoài nam:</b> các làn điệu dân ca Huế</li> <li>- <b>Đàn tranh, đàn nguyệt, tì bà, nhị, đàn tam:</b> các loại nhạc cụ dân tộc.</li> </ul> |

|  |  |
|--|--|
| <p><b>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</b></p> <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm.</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hồ: bốn khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế.</li> <li>- Ngón nhấn, mổ, vỗ, vả, ngón bấm, day, chóp, búng, ngón phi, ngón rãi: các động tác của nhạc công khi biểu diễn với các loại đàn cò.</li> <li>- Nhạc cung đình, nhã nhạc: nhạc dùng trong các buổi lễ tôn nghiêm của triều đình thời phong kiến.</li> <li>- Ca nhạc thính phòng: ca nhạc do một người hoặc một nhóm ít người biểu diễn trong không gian nhỏ.</li> </ul> <p><b>2. <u>Tìm hiểu chung</u></b></p> <p><b>a. <u>Tác giả</u>:</b> Hà Ánh Minh</p> <p><b>b. <u>Tác phẩm</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Thể loại</b>:: Bút ký</li> <li>- <b>PTBD</b>:: Thuyết minh, tự sự, biểu cảm, miêu tả.</li> <li>- <b>Bố cục</b>: Chia làm 2 phần <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phần 1: Từ đầu – lí hoài nam (Khái quát chung về ca Huế)</li> <li>+ Phần 2: Còn lại (Một đêm ca Huế trên sông Hương)</li> </ul> </li> </ul> |
|--|--|

### Hoạt động 2: Khám phá văn bản

**a. Mục tiêu:** Khám phá những khái quát chung về ca Huế và một đêm ca Huế trên sông Hương.

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Nắm khái quát chung về ca Huế và một đêm ca Huế trên sông Hương



**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

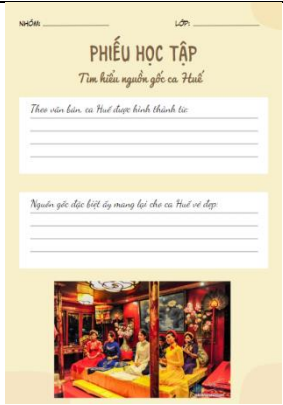

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM  |
|---|---|
| <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <p><b>GV đặt câu hỏi gợi dẫn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chỉ ra các điệu hò ca Huế được nhắc tới trong đoạn văn? Nêu nhận xét về các điệu hò ca Huế.</li> <li>+ Chỉ ra đặc điểm của ca Huế.</li> <li>+ Các điệu hò xứ Huế gắn bó như thế nào với cuộc sống của con người?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</b></p> | <p><b>II. <u>Khám phá văn bản</u></b></p> <p><b>1. <u>Giới thiệu chung về ca Huế</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các điệu hò ca Huế <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hò khi đánh cá</li> <li>+ Hò lúc cấy cày</li> <li>+ Chèo cạn</li> <li>+ Bài thai</li> <li>+ Hò đưa linh</li> <li>+ Hò giã gạo</li> <li>+ Hò lơ</li> <li>+ Hò ô</li> <li>+ Hò xay lúa</li> <li>+ Hò nện</li> <li>+ ....</li> </ul> </li> <li>➔ Nghệ thuật liệt kê</li> </ul> |



|   |   |
|---|---|
| <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>  | <p>➔ <b>Các điệu hò phong phú, đa dạng, mỗi điệu hò lại thể hiện những cảm xúc, tâm tình riêng</b></p> <p><b>- Đặc điểm của các điệu hò Huế</b></p> <p>+ Thể hiện lòng khao khát, nỗi chờ mong, hoài vọng thiết tha của tâm hồn Huế</p> <p>+ Gửi gắm một ý tình trọn vẹn</p> <p>+ Ngôn ngữ tài ba, phong phú</p> <p>+ Từ ngữ địa phương dùng nhuần nhuyễn và phổ biến</p> <p>➔ <b>Ca Huế là một nét nghệ thuật độc đáo của xứ Huế, các câu hò xứ Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ cuộc sống sinh hoạt, lao động của nhân dân</b></p>  |
| <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</b><br/>GV chia lớp thành 4 nhóm và tổ chức kỹ thuật <b>Dạy học theo Trạm</b></p> <p><b>- Trạm 1 (Nhóm 1):</b> tìm hiểu về không gian, thời gian, cảnh vật trong đêm biểu diễn ca Huế</p>  <p>+ <b>Trạm 2 (Nhóm 2):</b> Tìm hiểu buổi biểu diễn ca Huế</p>  <p>+ <b>Trạm 3 (Nhóm 3):</b> Tìm hiểu nguồn gốc ca Huế</p> | <p><b>2. <u>Một đêm ca Huế trên sông Hương</u></b></p> <p><b>a. <u>Không gian, thời gian, cảnh vật</u></b></p> <p>- <b>Thời gian:</b> ban đêm</p> <p>- <b>Không gian:</b> trên một con thuyền rồng, giữa dòng sông Hương</p> <p>➔ Khiến cho việc thưởng thức ca Huế thêm sinh động, lãng mạn</p> <p>- <b>Cảnh vật</b></p> <p>+ <b>Đêm:</b> Thành phố lên đèn như sao sa. Màn sương dày dần lên. Cảnh vật mờ đi trong một màu trắng đục.</p> <p>+ <b>Trăng lên:</b> Gió mơn man dịu dịu. Dòng sông trắng gợn sóng. Con thuyền bồng bênh.</p> <p>+ <b>Đêm đã về khuya:</b> Chùa Thiên Mụ hiện ra mờ ảo, tháp Phước Duyên dát ánh trăng vàng.</p> <p>+ <b>Gàn sáng:</b> Tiếng gà gáy bên làng Thọ Cương cùng tiếng chuông chùa Thiên Mụ gọi năm canh mà trong khoang thuyền vẫn đầy ắp lời ca tiếng nhạc.</p> <p>➔ Nghệ thuật: miêu tả, từ láy, so sánh, câu văn dài ngắn đan xen</p> <p>➔ Yên tĩnh, lung linh, huyền ảo, thơ mộng.</p> <p><b>b. <u>Biểu diễn ca Huế</u></b></p> <p>* <b><u>Con người</u></b></p> <p>- Ca công: rất trẻ; nam mặc áo the, quần thụng, khăn xếp; nữ mặc áo dài, khăn đóng duyên dáng</p> <p>- Nhạc công: <i>các ngón đàn trau chuốt như ngón nhân, mổ, vỗ...</i></p> <p>* <b><u>Đàn nhạc:</u></b> Gồm đàn tranh, đàn nguyệt, ti bà, nhị, đàn tam. Ngoài ra còn có đàn bầu, sáo và cặp sanh để gõ nhịp.</p> <p>* <b><u>Âm thanh</u></b></p> <p>- Bùng lên</p> <p>- Du dương</p> <p>- Trầm bổng</p> <p>- Réo rắt</p> <p>- Xao động tận đáy hồn người.</p> <p><b>c. <u>Nguồn gốc ca Huế</u></b></p> |

|   |  |
|---|--|
|  <p>+ <b>Trạm 4 (Nhóm 4):</b> Tìm hiểu cách thưởng thức ca Huế</p>  | <p>Ca Huế được hình thành, nuôi dưỡng từ dòng ca <b>nhạc dân gian</b> và <b>ca nhạc cung đình</b>.</p> <p>→ Phong phú, đa dạng; vừa sôi nổi tươi vui, vừa trang trọng, uy nghi – từ khúc điệu, thể điệu đến âm hưởng, lời ca....</p> <p><b>d. <u>Thưởng thức ca Huế</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thưởng thức ca Huế trực tiếp trên thuyền rồng, vừa thưởng thức vừa ngắm cảnh vật xứ Huế.</li> <li>- Cảm xúc của tác giả: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Như một lữ khách với hồn thơ lai láng, nồng hậu tình người.</li> <li>+ Tâm trạng chờ đợi, rộn ràng.</li> <li>+ Tiếng đàn làm xao động tận đáy lòng người.</li> <li>+ Cảm giác như thời gian lắng đọng, không gian ngưng đọng.</li> </ul> </li> <li>→ Nghe ca Huế là một thú vui tao nhã.</li> <li>→ Nhấn mạnh tình yêu, sự nâng niu, trân trọng và thiết tha của tác giả đối với ca Huế, xứ Huế.</li> </ul> |
|  <p><b>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS chia nhóm và hoàn thành PHT</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</b></p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p><b>Bước 4: Kết luận, nhận định.</b></p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p> <p><b>Thảo luận nhanh : Nêu tác dụng của việc kết hợp các yếu tố có vai trò kể chuyện, miêu tả, bộc lộ cảm xúc, bình luận,... trong văn bản</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp người đọc hiểu nguồn gốc, đặc điểm, cách biểu diễn và thưởng thức ca Huế.</li> <li>- Thể hiện được tình cảm, thái độ của người viết và nhấn mạnh vị trí, ý nghĩa của ca Huế.</li> </ul> |  |
| <p><b>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trả lời câu hỏi</li> <li>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</li> </ul>  | <p><b>III. <u>Tổng kết</u></b></p> <p><b>1. <u>Nghệ thuật</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa thuyết minh, nghị luận với miêu tả, biểu cảm.</li> <li>- Sử dụng thành công phép liệt kê, so sánh.</li> </ul> <p><b>2. <u>Nội dung</u></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu cụ thể, sinh động về ca Huế - một hình thức sinh hoạt văn hoá - âm nhạc thanh lịch và tao nhã, một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần bảo tồn và phát huy.</li> </ul>   |

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

**C. LUYỆN TẬP****a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**- GV tổ chức trò chơi trắc nghiệm **NHỎ CỬ CÀ RỐT****1. Văn bản Ca Huế trên sông Hương được viết theo thể loại nào?****A. Bút kí.**

B. Truyện ngắn.

C. Tùy bút.

D. Tiểu thuyết.

**2. Đâu không phải nhạc cụ biểu diễn ca Huế?**

A. Đàn nguyệt.

B. Cặp sanh.

C. Đàn tì bà.

**D. Đàn t'rưng.****3. Ca Huế được biểu diễn trong không gian nào?**

A. Sân khấu bên bờ sông Hương.

**B. Trên thuyền rồng, xuôi dòng sông Hương.**

C. Trong cung đình Huế.

D. Khu vực sân đình, sân chùa ở Huế.

**4. Dòng nào nêu đúng lứa tuổi của các ca công biểu diễn ca Huế?**

A. Đủ mọi lứa tuổi.

**B. Rất trẻ.**

C. Thiếu nhi.

D. Đã bước vào tuổi xế chiều.

**5. Kể tên 4 khúc nhạc mở đầu đêm ca Huế.**

A. Điệu bắc, điệu nam, điệu đông, điệu tây.

**B. Lưu thủy, kim tiền, xuân phong, long hổ.**

C. Chèo cạn, bài thai, hò đưa linh, hò giã gạo.

D. Nam ai, nam bình, quả phụ, nam xuân.

**4. VẬN DỤNG****a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề, củng cố bài học**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trình bày cảm nhận của em về cố đô Huế, những làn điệu ca Huế và những con người tài hoa xứ Huế.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm của HS.**d. Tổ chức thực hiện:**- GV tổ chức **GÓC CHIA SẺ:** Qua văn bản “Ca Huế trên sông Hương”, trình bày cảm nhận của em về cố đô Huế, những làn điệu ca Huế và những con người tài hoa xứ Huế.

## Tiết 20,21. VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (BÀI THƠ THẤT NGÔN BÁT CÚ HOẶC TỨ TUYỆT ĐƯỜNG LUẬT)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

#### 3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

##### \* Đối với học sinh khuyết tật:

- HS bước đầu biết viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của GV

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức về kiểu văn bản (bài văn) phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

##### \* Đối với học sinh khuyết tật:

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

##### **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS: *Chúng ta đã học những bài thơ nào thuộc thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật?*

##### **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

##### **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

##### **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt và dẫn dắt vào bài học

#### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

##### **Hoạt động 1: Giới thiệu kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

HS nắm được khái quát kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe GV yêu cầu, đọc kiến thức trong SGK</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)</b> là vận dụng các thao tác, kĩ năng đọc hiểu đã được hình thành, rèn luyện để viết bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật</p> |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được yêu cầu của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

HS nắm được khái quát yêu cầu của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM  |
|---|---|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận</li> <li>+ Một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật có những đặc điểm cơ bản nào?</li> <li>+ Theo em, bài văn phân tích một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật cần đáp ứng những yêu cầu gì?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>* Yêu cầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu khái quát về tác giả và bài thơ (nhân đề, đề tài, thể thơ,...); nêu ý kiến chung của người viết về bài thơ.</li> <li>- Phân tích được nội dung cơ bản của bài thơ (đặc điểm của hình tượng thiên nhiên, con người; tâm trạng của nhà thơ), khái quát chủ đề bài thơ.</li> <li>- Phân tích được một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật; nghệ thuật tả cảnh, tả tình; nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, biện pháp tu từ,...);...).</li> <li>- Khẳng định được vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</li> </ul> |

**Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** HS đọc và hiểu được bài viết tham khảo

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về đặc điểm của bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

HS đọc và hiểu khái quát được bài viết tham khảo

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc thông tin trong SGK, yêu cầu HS thảo luận</li> <li>+ Bài viết đã giới thiệu những gì về bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương trong đoạn mở đầu?</li> <li>+ Đề tài và thể thơ được nêu lên ở đoạn văn nào?</li> <li>+ Bài viết đã phân tích những nội dung nào trong bài thơ “Thương vợ?” (Hình tượng người vợ được khắc họa với những đặc điểm nào? Bài thơ thể hiện những cảm xúc, tâm trạng nào của tác giả?)</li> <li>+ Bài viết đã chỉ ra những nét đặc sắc nghệ thuật gì ở bài thơ “Thương vợ?” (thể thơ, đề tài, thi liệu, ngôn ngữ, bút pháp tả trữ tình hòa quyện cùng bút pháp trào phúng...)</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe GV yêu cầu, trả lời câu hỏi</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời 3 HS trình bày nội dung từng phần</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>Văn bản “Phân tích bài thơ Thương vợ của Trần Tế Xương”</b></p> <p><b>1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu khái quát giá trị của tác phẩm.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trần Tế Xương được xếp vào hàng những cây bút trào phúng xuất sắc nhất của nền văn học dân tộc. Ông cũng là một nhà thơ trữ tình giàu cảm hứng nhân đạo và lòng yêu nước. Tú Xương còn là tác giả có nhiều cách tân táo bạo đối với thể loại thơ Nôm Đường luật.</li> <li>- Thương vợ là một trong những bài thơ Nôm nổi tiếng nhất của ông.</li> </ul> <p><b>2. Giới thiệu đề tài, thể thơ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề tài: người vợ</li> <li>- Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật</li> </ul> <p><b>3. Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ</b></p> <p>Nội dung chính: Chân dung người vợ trong cảm xúc yêu thương cùng tiếng cười tự trào và một cách nhìn về thân phận người phụ nữ của Tú Xương.</p> <p><b>4. Phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của bài thơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thơ đã sử dụng một cách linh hoạt và điêu luyện các yếu tố đặc trưng của thể loại: sự hòa phối thanh điệu, kết cấu chặt chẽ, tính cô đọng, hàm súc,...</li> <li>- Đồng thời, bài thơ mang đến những cách tân độc đáo ở nhiều bình diện: đề tài, thi liệu, ý tứ, đặc biệt là ngôn ngữ thơ.</li> </ul> <p><b>5. Khẳng định vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài thơ Thương vợ là tác phẩm tiêu biểu cho giá trị tư tưởng và nghệ thuật của thơ Tú Xương. Tác giả đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn.</li> </ul> |

**Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** HS nắm vững được các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

HS nắm khái quát các bước viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến quy trình viết và viết được bài văn theo quy trình.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS | DỰ KIẾN SẢN PHẨM |
|-----------------------|------------------|
|-----------------------|------------------|

|  |   |
|--|---|
| <p><b><u>Nhiệm vụ 1:</u></b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/> - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết và tìm ý, lập dàn<br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/> - HS lắng nghe GV đặt câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b><br/> - GV mời 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/> - GV nhận xét, chốt:</p> <p><b><u>Nhiệm vụ 2:</u></b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/> - GV mời 2 HS đọc <b>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</b> trong SGK (1 bạn đọc phần Tìm ý, 1 bạn đọc phần lập dàn ý).<br/> - GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS lập dàn ý, sau đó trao đổi với bạn bên cạnh để góp ý cho nhau.<br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/> - HS đọc thông tin về <b>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</b> trong SGK, sau đó lập ý và trao đổi với bạn.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b><br/> - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</p> <p><b><u>Nhiệm vụ 3:</u></b><br/> <b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b><br/> - GV yêu cầu HS viết bài. GV nhắc HS: <i>Cần bám vào dàn ý đồng thời nhìn vào yêu cầu đối với đoạn văn để đảm bảo được yêu cầu.</i><br/> <b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/> - HS lắng nghe yêu cầu của GV, sau đó viết bài.<br/> <b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b><br/> - GV yêu cầu mỗi HS tự đọc lại bài của mình và dùng bảng kiểm để tự điều chỉnh đoạn văn.<br/> - GV yêu cầu HS đối vở với bài của bạn để góp ý cho nhau dựa trên bảng kiểm.<br/> <b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b><br/> - GV nhận xét, chốt một vài bài văn hay.</p> | <p><b>1. Trước khi viết</b><br/> <b>a. Lựa chọn bài thơ</b><br/> - Liệt kê một số bài thơ viết theo thể thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật em đã học hoặc đã đọc.<br/> - Lựa chọn bài thơ em hiểu và yêu thích để phân tích.<br/> <b>b. Tìm ý</b><br/> Em hãy đọc kĩ bài thơ đã chọn và dựa vào đặc điểm cơ bản của thể thơ để xác định các phương diện nội dung và nghệ thuật cần phân tích:<br/> - Tìm hiểu nhan đề và bố cục của bài thơ để nhận biết đề tài và nội dung chính.<br/> - Chia tách bài thơ thành các phần và xác định nội dung chính của từng phần. Có thể chia tách bài thơ theo chiều ngang (dựa vào mạch ý) hoặc theo chiều dọc (dựa vào hình tượng thơ)<br/> - Tìm những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ.<br/> + Về nội dung: Chú ý đặc điểm nổi bật của hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người những cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ, chủ đề bài thơ...<br/> + Về nghệ thuật: Cách sử dụng các yếu tố thi luật của thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình... Chú ý các từ gợi hình ảnh, âm thanh, biểu cảm và các biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, đảo ngữ,...).<br/> - Tìm hiểu thông tin cơ bản về tác giả về hoàn cảnh sáng tác để hiểu thêm về bài</p> <p><b>c. Lập dàn ý</b><br/> Sử dụng kết quả của phần Tìm ý, sắp xếp tổ chức thành dàn ý. Khi lập dàn ý, cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm</p> <p><b>Dàn ý</b><br/> - Mở bài: Giới thiệu khái quát, ngắn gọn về tác giả và bài thơ (nhan đề, đề tài, thể thơ,...), nêu ý kiến chung về bài thơ<br/> - Thân bài<br/> + Ý 1. Phân tích đặc điểm nội dung <ul style="list-style-type: none"> <li>• Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người.)</li> <li>• Phân tích cảm xúc tâm trạng của nhà thơ</li> <li>• Khái quát chủ đề của bài thơ</li> </ul> </p> |
|--|---|

|  |   |
|--|---|
|  | <p>+ Ý 2. Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Cách sử dụng thể thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt đường luật (theo mô hình chuẩn mực hay có sự cách tân)</li> <li>• Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả cảnh, tả tình</li> <li>• Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ)</li> </ul> <p>- Kết bài: Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ</p> <p><b>2. Viết bài</b></p> <p>- Khi viết bài, em cần bám sát dàn ý đã lập: sử dụng đa dạng các hình thức trích dẫn; kết hợp phân tích với nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sử dụng từ ngữ chính xác, chọn lọc; diễn đạt sáng rõ, thể hiện được cảm xúc của người viết.</p> <p>- Chú ý sự khác nhau về yêu cầu, mục đích của kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ và kiểu bài phân tích một bài thơ.</p> <p><b>3. Chỉnh sửa bài viết</b></p> <p>Đọc lại bài viết đối chiếu với yêu cầu của kiểu bài và dàn ý đã lập để chỉnh sửa. Tập trung vào một số nội dung sau</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thông tin về nhan đề bài thơ tên tác giả đề tài, thể thơ và giá trị của bài thơ.</li> <li>- Các ý chính thể hiện đặc điểm nội dung và một số đặc sắc nghệ thuật của bài thơ</li> <li>- Những nhận xét đánh giá về vị trí, ý nghĩa của bài thơ.</li> </ul> |
|--|---|

### C. LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Củng cố lại kiến thức đã học về việc viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

- GV khuyến khích HS trả lời các câu hỏi có sự hỗ trợ bằng việc ĐỌC các câu hỏi để HS dễ quan sát và có thể gợi mở để em tự tin trả lời và kết luận như mục dự kiến sản phẩm.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, suy nghĩ và đọc lại SGK để chuẩn bị trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**



- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

#### D. VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Vận dụng được kiến thức đã học để Viết bài văn ngắn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học để Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn mà HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS về nhà viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe yêu cầu của GV, về nhà thực hiện.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV nhắc HS sẽ thu bài và chữa bài vào tiết sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét việc học tập của cả lớp trong tiết học

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại yêu cầu và quy trình viết đối với Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)

+ Soạn trước bài tiếp theo

#### IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bài viết mẫu:

Viết về đề tài mùa thu nếu như ở văn học Trung Quốc có “Thu hứng” của Đỗ Phủ là tiêu biểu và đặc sắc thì nền văn học dân tộc Việt không thể không nhắc đến chùm thơ thu của cụ Tam Nguyên Yên Đổ\_Nguyễn Khuyến. Chùm thơ thu gồm ba bài “Thu vịnh”, “Thu điếu”, “Thu ẩm” mùa thu hiện lên qua cái nhìn đa tình của nhà thơ. Đặc biệt là bài thơ “Thu điếu” (Câu cá mùa thu) mang nét đặc sắc riêng “điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam”, đằng sau cảnh thu, tình thu là tâm trạng, nỗi niềm thâm kín của tác giả.

Nguyễn Khuyến là người học rộng tài cao ba lần đỗ tú tài và ra làm quan dưới triều vua Tự Đức, chứng kiến “tùng bước con hấp hối” của chế độ phong kiến thối nát. Ông không chịu hợp tác với giặc, muốn giữ mình thanh sạch mà đã về ở ẩn sau hơn mười năm làm quan. Chùm thơ thu được Nguyễn Khuyến sáng tác sau khi về ẩn cư nơi quê nhà.

“Thu điếu” cũng như hai bài thơ thu đều được viết theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật bằng ngôn ngữ dân tộc chữ Nôm. Toàn bộ cảnh thu, tình thu được miêu tả hiện lên rõ nét trong tám câu thơ. Mở đầu bài thơ là không gian, thời gian của mùa thu ở làng quê Bắc Bộ:

*“Ao thu lạnh lẽo nước trong veo*

*Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo”*

Không gian ở đây là ao thu. Ao là đặc trưng của vùng quê chiêm trũng quê hương của tác giả. Thời gian không phải là đầu thu có chút oi ả xen lẫn của mùa hạ mà có lẽ là lúc phân thu nên mới có hơi lạnh của sự “lạnh lẽo”. Tính từ “Trong veo” đặc tả độ trong của nước dường như có thể nhìn xuyên thấu xuống bên dưới, nó gợi ra sự thanh sạch và tĩnh lặng trên bề mặt ao. Tính từ “lạnh lẽo” như càng làm cho sự vắng lặng tăng thêm.

Không chỉ vậy “một chiếc thuyền câu” số từ chỉ số ít “một chiếc” cùng với tính từ “bé tẻo teo” gợi sự nhỏ bé đến vô cùng. Chiếc thuyền câu như co lại là một chấm trên nền của ao thu. Tác giả sử dụng nghệ thuật chấm phá điểm nhãn. Trên cái nền yên tĩnh của mặt ao xuất hiện một chiếc

thuyền câu bé tẻo teo. Hai câu thơ đầu đã mở ra một không gian thu với cảnh sắc rất mộc mạc, giản dị mang nét đặc trưng chất thu, khí thu của làng quê Bắc Bộ.

Nếu như ở hai câu đề nổi bật lên là sự tĩnh lặng thì hai câu thực đã mang những nét vận động nhưng nó lại động để tĩnh. Lấy cái động của cảnh vật mà tả cái tĩnh của mùa thu chốn thôn quê.

*“Sóng biếc theo làn hơi gợn tí*

*Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo”*

Hai hình ảnh “sóng biếc”, “lá vàng” tưởng chừng như không có mối liên hệ mà có một sự logic, chặt chẽ với nhau. Vì gió thổi làm cho sóng gợn, lá rơi. Cảnh vật chuyển động chẳng phải ào ạt của lá mùa thu như trong thơ Đỗ Phủ mà nó thật khẽ khàng, nhẹ nhàng sóng chỉ hơi gợn tí, lá chỉ khẽ đưa vèo.

Các tính từ, trạng từ “biếc”, “tí”, “vàng”, “khẽ” được sử dụng thật tài tình, kết hợp với nhau tạo nên màu sắc, hình ảnh làm cho cảnh thu trở nên sống động có hồn. Chữ “vèo” khiến cho Tản Đà khâm phục, tâm đắc vô cùng. Ông thổ lộ một đời thơ, ông mới có được một câu thơ vừa ý “Vèo trông lá rụng đầy sân”. Nguyễn Khuyến phải là một con người có một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm mới có thể cảm nhận được sự chuyển động mà như tĩnh tại. Nghệ thuật lấy động tả tĩnh đã được sử dụng thành công đem lại hiệu quả cao.

Không gian cảnh vật không chỉ bó hẹp trong khoảng không của mặt nước, của ao thu mà được mở rộng ra hai chiều với một tầm nhìn cao hơn, xa hơn. Đó là cái nhìn toàn cảnh bao quát lên cả bầu trời với nhiều đường nét, màu sắc thoáng đạt:

*“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*

*Ngõ trúc quanh co khách vắng teo”*

Bầu trời xanh ngắt vẫn luôn là biểu tượng đẹp của mùa thu, có lần Nguyễn Du đã từng viết: “Long lanh đáy nước in trời/ Thành xây khói biếc non phôi bóng vàng” Bầu trời xanh trong, cao thẳm của “Thu điếu” có sự nhất quán với không gian mây trời của “Thu vịnh” “Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao” hay trong “Thu ẩm” với “Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt”.

Mây trời trong “Thu điếu” không trôi mà “lơ lửng” gợi một cảnh thu đẹp và yên tĩnh như ngưng đọng lại trên khoảng không bao la, rộng lớn. Chiều sâu không gian được cụ thể hóa bằng độ “quanh co” của ngõ trúc. Hình ảnh cây trúc xuất hiện khá nhiều trong thơ của ông, nhìn khái quát nó mang một nét vắng lặng và đượm buồn mà Nguyễn Khuyến đã viết:

*“Dặm thế ngõ trúc đâu từng ấy*

*Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu”*

Màu xanh của da trời, màu xanh của trúc bao trùm lên sắc màu của không gian. Cảnh vật trở nên u tịch, cô liêu, hiu hắt với tính từ “vắng teo” tức là vắng tanh, vắng ngắt không một bóng người đồng thời cũng cho thấy sự thoáng đạt, trong lành của không gian nơi đây.

Sự tác động của ngoại cảnh làm cho con người không khỏi chạnh lòng mà cô đơn. Nguyễn Khuyến có lần đã từng tự thán về nỗi cô độc của đời mình: “Đời loạn đưa về như hạc độc/Tuổi giá hình bóng tựa mây cô” (Cảm hứng). Sáu câu thơ đầu là sự miêu tả về cảnh vật, về mây trời non nước mùa thu. Đến hai câu kết ta mới thấy sự xuất hiện của con người. Cái ý vị nhất của bài “Thu điếu” nằm ở hai câu cuối:

*“Tựa gối buông cần lâu chẳng được*

*Cá đâu đớp động dưới chân bèo”*

Hình ảnh cụ Tam Nguyên Yên Đổ xuất hiện với tư thế ngồi bó gối buông cần thả câu tạo nên một đường nét bất động trên bức tranh thu tĩnh lặng. Nhà thơ ngồi câu cá mà tâm thế như đặt ở nơi nào không chú tâm đến việc câu để rồi giật mình trước tiếng cá “đớp động dưới chân bèo”.

Một lần nữa nghệ thuật lấy động tả tĩnh được sử dụng thành công. Tiếng cá đớp tạo nên chuyển động nhỏ cũng khiến cho nhà thơ giật mình tỉnh giấc tựa chiêm bao nó gợi lên sự tĩnh lặng, tĩnh mịch đến vô cùng. Cách hỏi “cá đâu” thật đặc sắc tạo nên sự mơ hồ trong không gian và sự ngỡ ngàng trong lòng của người điếu ngư. Hình ảnh ấy khiến cho ta liên tưởng đến cụ Nguyễn Bỉnh Khiêm ung dung ngồi uống rượu dưới gốc cây:

*“Rượu đến cội cây ta sẽ uống*

*Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao”*

Thực ra, câu cá chỉ là cái cớ để Nguyễn Khuyến miêu tả bức tranh thu, qua đó nhà thơ bộc lộ tâm hồn và tâm trạng của mình. Hình ảnh người đi câu cá có thể khiến ta liên tưởng tới con người thi sĩ, nho sĩ trước tình hình đất nước lúc bấy giờ. Theo kinh nghiệm của dân gian nước trong thì không có cá nhưng tiếng cá đớp động chân bèo đã tiếp thêm động lực cho người điếu ngư không nản chí mà tiếp tục công việc của mình.

Cũng giống như vậy chính trị nước ta bấy giờ rối ren, thực dân Pháp xâm lược, triều đình nhà Nguyễn chống cự yếu ớt mà nhanh chóng thỏa hiệp để hồn nước rơi vào tay giặc. Nhà thơ vì muốn bảo toàn khí tiết nên lựa chọn con đường về ở ẩn nơi gương tiên nhân Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm hay cụ Đào Tiềm, Đào Uyên Minh bên Trung Quốc một đời quyết giữ để mình thanh sạch.

Tuy nhiên, âm thanh cá đớp động như đánh thức nhà Nho, nhà trí sĩ yêu nước như thức tỉnh thôi thúc ông đứng lên đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc. Nhưng âm thanh ấy thật mơ hồ cũng như trần trờ trong lòng nhà thơ liệu rằng mình có thể góp sức giúp đời hay là bất hợp tác với giặc lãnh mình ẩn cư.

Như vậy Nguyễn Khuyến không chỉ bộc lộ những tình cảm yêu mến thiên nhiên, quê hương đất nước mà còn kín đáo bày tỏ nỗi buồn trong sáng nhưng cô đơn của một ẩn sĩ, tuy nặng lòng yêu nước nhưng cam phận đành bất lực trước thời thế lựa chọn con đường lánh đục về trong.

Nguyễn Khuyến là một trong những đại diện lớn nhất và cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam ở giai đoạn cuối thế kỉ XIX. Thơ ông là sự kết hợp tài tình giữa tính hoa văn học bác học với văn học dân gian. “Thu điếu” là một trong những bài thơ hay và đặc sắc với sự thành công của bút pháp nghệ thuật lấy động tả tĩnh, chấm phá điểm nhãn, sử dụng các từ láy có tính gợi hình, gợi cảm cao đặc biệt là cách gieo vần “eo” thật tài tình.

Bài thơ được làm theo đúng niêm, đúng luật của thể thơ vừa mang tính quy phạm của thơ ca trung đại cũng thực hiện giải quy phạm với những sáng tạo mới không còn sử dụng những hình ảnh ước lệ, tượng trưng mà thay vào đó là sự mộc mạc, chất phác của đời sống nông thôn.

“Thu điếu” cùng với hai bài thơ trong chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến đã góp phần làm nên sự phong phú và đặc sắc cho đề tài viết về mùa thu của nền văn học dân tộc với nét đặc trưng là sự tĩnh lặng, thanh bình với những hình ảnh bình dị của làng quê.

## TIẾT 22,23: NÓI VÀ NGHE. TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (MỘT SẢN PHẨM VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG TRONG CUỘC SỐNG HIỆN TẠI)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Về kiến thức

- Trình bày được ý kiến về một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân *một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại*
- Năng lực thuyết trình trước đám đông

#### 3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

#### \* Đối với học sinh khuyết tật:

- Trình bày được ý kiến về một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...
- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của GV

- KHBD
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.
- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu video về một sản phẩm văn hóa truyền thống
- Link video

<https://www.youtube.com/watch?v=rWi4d5EOdbc>

- GV đặt câu hỏi phát vấn: Sau khi xem xong video, em hãy nêu cảm nhận của bản thân về những sản phẩm văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu cảm nhận cá nhân

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.
- GV dẫn vào bài học

#### B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

**Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV đặt câu hỏi:</li> <li>+ Trước khi nói, cần chuẩn bị những gì?</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trao đổi theo nhóm để trả lời câu hỏi, nắm bắt kiến thức về <i>các bước trình bày bài nói</i></li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>1. Trước khi nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn một sản phẩm văn hóa mà em yêu thích: có thể chọn một sản phẩm văn hóa riêng của vùng, miền nơi em sống (danh lam thắng cảnh, trang phục dân tộc, lễ hội, món ăn truyền thống,...) hoặc một sản phẩm văn hóa chung của đất nước (bánh chưng ngày Tết, múa rối nước, áo dài Việt Nam, phở,...).</li> <li>- Để nêu được ý kiến xác đáng, em cần tìm hiểu về nguồn gốc, đặc điểm, giá trị của sản phẩm văn hóa truyền thống được lựa chọn trong cuộc sống hiện tại.</li> </ul> |

|  |   |
|--|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Em có thể tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như: <i>Em sẽ trình bày ý kiến về phương diện nào của sản phẩm văn hóa truyền thống? Ý kiến của em là gì? Vì sao em có ý kiến như vậy?</i></li> <li>- Sắp xếp các ý thành một dàn ý với các phần Mở đầu, Triển khai, Kết luận.</li> <li>- Lựa chọn một số từ ngữ then chốt phù hợp với vấn đề trình bày.</li> </ul> |
|--|---|

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

Xác định được các thao tác cần thực hiện khi Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại)

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|---|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về các bước trình bày bài nói</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>2. Trình bày bài nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mở đầu: Giới thiệu tên sản phẩm văn hóa truyền thống và nêu khái quát ý kiến của em về sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại.</li> <li>- Triển khai: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hóa truyền thống: nơi ra đời của sản phẩm, vị trí của sản phẩm, ý nghĩa của sản phẩm,...</li> <li>+ Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về sản phẩm văn hóa truyền thống (của quê hương, đất nước). Tùy theo đề tài và thời gian, có thể chọn trình bày ý kiến về một vài khía cạnh: hiện trạng, giá trị, hướng bảo tồn, phát triển,... sản phẩm văn hóa đó trong cuộc sống hiện tại. Chú ý đưa ra các lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của em.</li> <li>+ Sử dụng ngôn ngữ cơ thể (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) và điều chỉnh ngữ điệu nói cho phù hợp.</li> </ul> </li> <li>- Kết luận: Khẳng định ý nghĩa của sản phẩm văn hóa truyền thống đối với cuộc sống hiện tại.</li> </ul> |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Trao đổi để tìm ra điểm cần phát huy và hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện kĩ năng nói và nghe

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS trao đổi để tìm ra điểm cần phát huy và hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện kỹ năng nói và nghe

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trao đổi về bài nói

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS   | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|---|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc các lưu ý khi trình bày bài nói trong SGK</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS trao đổi theo nhóm nắm bắt kiến thức về <b>các tiêu chí đánh giá bài nói và nghe</b></li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV mời HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>3. Trao đổi về bài nói</b></p> <p>Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:</p> <p><b>Người nghe</b></p> <p>Trao đổi về bài nói với thái độ tôn trọng và tinh thần xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu câu hỏi về những điểm còn băn khoăn xung quanh các ý kiến được trình bày trong bài nói.</li> <li>- Bày tỏ sự đồng tình hoặc phản biện ý kiến của người nói về sản phẩm văn hóa truyền thống trong cuộc sống hiện tại.</li> <li>- Nhận xét, đánh giá về nội dung và cách trình bày bài nói.</li> </ul> <p><b>Người nói</b></p> <p>Lắng nghe ý kiến của người nghe; tiếp thu và phản hồi với thái độ lịch sự, tinh thần cầu thị:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải thích những vấn đề người nghe chưa hiểu rõ hoặc còn băn khoăn.</li> <li>- Trao đổi về những nhận xét, đánh giá em cho là chưa thỏa đáng.</li> <li>- Tự rút kinh nghiệm để hoàn thiện kỹ năng chuẩn bị và trình bày bài nói.</li> </ul> |

### C. LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Thực hành vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS vận dụng các kiến thức đã học để trình bày bài nói

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hóa truyền thống)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó hoàn thiện bài nói

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS trình bày

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp.

### D. VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để sửa bài nói cho các bạn khác

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

GV khuyến khích HS vận dụng các kiến thức đã học để chỉnh sửa bài nói

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV phát bảng đánh giá hoạt động nói và nghe cho HS, yêu cầu sau khi nghe phần trình bày của bạn, đánh giá mức độ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thực hiện đánh giá vào bảng

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV thu bảng đánh giá

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt nội dung

\* **Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn trước bài Cùng cô, mở rộng

#### IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

- Bảng đánh giá hoạt động nói và nghe

| <i>Tiêu chí</i>       |  | <i>Chưa tốt</i> | <i>Tốt</i> | <i>Xuất sắc</i> |
|-----------------------|--|-----------------|------------|-----------------|
| <i>Mở đầu</i>         | <i>Có lời chào ban đầu và giới thiệu</i>   |                 |            |                 |
|                       | <i>Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói</i>  |                 |            |                 |
|                       | <i>Nêu khái quát được nội dung bài nói (bố cục, ý chính)</i>   |                 |            |                 |
| <i>Nội dung chính</i> | <i>Nêu ngắn gọn một số thông tin cơ bản về sản phẩm văn hóa truyền thống: nơi ra đời của sản phẩm, vị trí của sản phẩm, ý nghĩa của sản phẩm</i> |                 |            |                 |
|                       | <i>Trình bày ý kiến nhận xét, đánh giá về sản phẩm văn hóa truyền thống (của quê hương, đất nước)</i>  |                 |            |                 |
|                       | <i>Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng làm cơ sở cho ý kiến của mình</i>  |                 |            |                 |
|                       | <i>Việc sử dụng ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ, khả năng tương tác với người nghe đạt mức độ nào?</i>                                  |                 |            |                 |
| <i>Kết thúc</i>       | <i>Khẳng định được ý nghĩa của sản phẩm văn hóa đối với đời sống hiện tại</i>  |                 |            |                 |

|                          |   |  |  |  |
|--------------------------|---|--|--|--|
|                          | <i>Rút ra được bài học nhận thức, hành động</i>                                     |  |  |  |
| <i>Kỹ năng trình bày</i> | <i>Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói</i>                            |  |  |  |
|                          | <i>Cử chỉ tự nhiên, kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói</i> |  |  |  |
|                          | <i>Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe</i>                   |  |  |  |

## Tiết 24. Củng cố, mở rộng

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Học sinh ôn tập kiến thức về thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật qua các văn bản đã học

#### 2. Năng lực

##### a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

##### b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

#### 3. Phẩm chất:

- Tích cực, tự giác trong học tập

#### \* Đối với học sinh khuyết tật:

- Học sinh ôn tập kiến thức về thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật qua các văn bản đã học

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Tích cực, tự giác trong học tập

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### 1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

#### 2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### A. KHỞI ĐỘNG

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

#### \* Đối với học sinh khuyết tật:

Dựa vào kinh nghiệm của bản thân để chuẩn bị khám phá nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn “Qua chủ đề VẼ ĐẸP CÔ ĐIỀN, em hãy bày tỏ cảm xúc của mình



khi học xong các văn bản đọc trong chủ đề?”

- GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi
- GV gọi đại diện nhóm chia sẻ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phân trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập lý thuyết

\* **Đối với học sinh khuyết tật:**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành ôn tập các kiến thức về thể thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

| HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS  | DỰ KIẾN SẢN PHẨM   |
|--|--|
| <p><b>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS đọc lại phần kiến thức đã học trong phần Tri thức ngữ văn</li> <li>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</li> </ul> <p><b>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS đọc thông tin</li> </ul> <p><b>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV ôn tập lại lý thuyết cho học sinh</li> </ul> <p><b>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV chốt kiến thức.</li> </ul> | <p><b>Thất ngôn bát cú Đường luật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Về bố cục: bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, thường tương ứng với bốn phần: đề (triển khai ẩn ý chứa trong nhan đề), thực (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng được bài thơ đề cập), luận (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), kết (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới). Khi đọc hiểu, cũng có thể vận dụng cách chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối.</li> <li>- Về niêm và luật bằng trắc: Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau đảm bảo sự hài hòa, cân bằng, luật quy định ở chữ thứ 2, 4, 6; trong mỗi cặp câu (liên), các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai cặp câu liền nhau được “dính” theo nguyên tắc: chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3, câu 4 và câu 5, câu 6 và câu 7, câu 1 và câu 8 phải cùng thanh.</li> <li>- Về vần và nhịp: Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo vần là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh</li> </ul> |

|  |  |
|--|--|
|  | <p>hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.</p> <p>- Về đối: Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.</p> <p><b>3. Tứ tuyệt Đường luật</b></p> <p><b>QUẢNG CÁO</b></p> <p>Mỗi bài tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ. Về bố cục, nhiều bài thơ tứ tuyệt triển khai theo hướng: khởi (mở ý cho bài thơ), thừa (tiếp nối, phát triển ý thơ), chuyển (chuyển hướng ý thơ), hợp (thâu tóm ý tứ của toàn bài). Về luật thơ, bài thơ tứ tuyệt cơ bản vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.</p> |
|--|--|

### C. LUYỆN TẬP

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề Vẻ đẹp cổ điển

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề Vẻ đẹp cổ điển
- GV khuyến khích HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 55

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 55

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 55

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

### D. VẬN DỤNG

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số bài thơ khác cùng thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật hoặc tứ tuyệt Đường luật

**\* Đối với học sinh khuyết tật:**

- Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số bài thơ khác cùng thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật hoặc tứ tuyệt Đường luật

- GV khuyến khích HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm những bài thơ khác thuộc thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật hoặc tứ tuyệt Đường luật

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm những bài thơ khác thuộc thể thơ Thất ngôn bát cú Đường luật hoặc tứ tuyệt Đường luật

**c. Sản phẩm học tập:** Phần thực hiện nhiệm vụ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

## \* Hướng dẫn về nhà

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài tiếp theo

## IV. HỒ SƠ DẠY HỌC

## \* Phụ lục:

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

| TIÊU CHÍ                  | CẦN CỐ GẮNG<br>(0 – 4 điểm)   | TỐT<br>(5 – 7 điểm)   | XUẤT SẮC<br>(8 – 10 điểm)  |
|---------------------------|---|---|--|
| Hình thức<br>(2 điểm)     | <b>0 điểm</b><br>Bài làm còn sơ sài,<br>trình bày câu thả<br>Sai lỗi chính tả   | <b>1 điểm</b><br>Bài làm tương đối đầy đủ,<br>chỉn chu<br>Trình bày cẩn thận<br>Không có lỗi chính tả   | <b>2 điểm</b><br>Bài làm tương đối đầy<br>đủ, chỉn chu<br>Trình bày cẩn thận<br>Không có lỗi chính tả<br>Có sự sáng tạo                              |
| Nội dung<br>(6 điểm)      | <b>1 - 3 điểm</b><br>Chưa trả lời đúng câu<br>hỏi trọng tâm<br>Không trả lời đủ hết<br>các câu hỏi gợi dẫn<br>Nội dung sơ sài mới<br>dừng lại ở mức độ<br>biết và nhận diện | <b>4 – 5 điểm</b><br>Trả lời tương đối đầy đủ<br>các câu hỏi gợi dẫn<br>Trả lời đúng trọng tâm<br>Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng<br>nâng cao          | <b>6 điểm</b><br>Trả lời tương đối đầy đủ<br>các câu hỏi gợi dẫn<br>Trả lời đúng trọng tâm<br>Có nhiều hơn 2 ý mở<br>rộng nâng cao<br>Có sự sáng tạo |
| Hiệu quả nhóm<br>(2 điểm) | <b>0 điểm</b><br>Các thành viên chưa<br>gắn kết chặt chẽ<br>Vẫn còn trên 2 thành<br>viên không tham gia<br>hoạt động  | <b>1 điểm</b><br>Hoạt động tương đối gắn<br>kết, có tranh luận nhưng<br>vẫn đi đến thông nhất<br>Vẫn còn 1 thành viên<br>không tham gia hoạt động | <b>2 điểm</b><br>Hoạt động gắn kết<br>Có sự đồng thuận và<br>nhiều ý tưởng khác biệt,<br>sáng tạo<br>Toàn bộ thành viên đều<br>tham gia hoạt động    |
| Điểm                      |   |   |  |
| TỔNG                      |   |   |  |

## \* Đáp án bài tập

**Câu 1 (trang 55 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Kẻ bảng vào vở theo mẫu dưới đây và điền nội dung về một số yếu tố thi luật của thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật thể hiện qua bài thơ Thu điếu của Nguyễn Khuyến:

Trả lời:

| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần | Nhịp  | Đối |
|-----|----------------|------|-----|-------|-----|
| 1   | -B-T-B-        | B    | veo | 4/3   |     |
| 2   | -T-B-T-        | T    | leo | 4/3   |     |
| 3   | -T-B-T-        | T    | -   | 4/3   | Đối |
| 4   | -B-T-B-        | B    | vèo | 4/3   | Đối |
| 5   | -B-T-B-        | B    | -   | 4/3   | Đối |
| 6   | -T-B-T-        | T    | teo | 4/3   | Đối |
| 7   | -T-B-T-        | T    | -   | 2/2/3 |     |
| 8   | -B-T-B-        | B    | bèo | 4/3   |     |

**Câu 2 (trang 55 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Kẻ bảng vào vở theo mẫu dưới đây và điền nội dung về một số yếu tố thi luật của thể thơ tứ tuyệt Đường luật thể hiện qua bài thơ Thiên Trường vãn vọng của Trần Nhân Tông?

**Trả lời:**

| Câu | Luật bằng trắc | Niêm | Vần  | Nhịp | Đối |
|-----|----------------|------|------|------|-----|
| 1   | -T-B-T-        | T    | yên  | 4/3  |     |
| 2   | -B-T-B-        | B    | biên | 4/3  | Đối |
| 3   | -B-T-B-        | B    | -    | 4/3  | Đối |
| 4   | -T-B-T-        | T    | điền | 4/3  |     |

**Câu 3 (trang 55 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):** Hãy chọn một bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

- Nhận xét về niêm, luật của bài thơ.
- Nhận định bố cục và nêu ý chính của từng phần.
- Nêu chủ đề và chỉ ra một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

**Trả lời:**

Chọn bài thơ “Bạn tới chơi nhà” – Nguyễn Khuyến

Đã bấy lâu nay bác tới nhà.

Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa.

Ao sâu nước cá, khôn chài cá,

Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.

Cải chửa ra cây, cà mới nụ,

Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.

Đầu trò tiếp khách, trầu không có,

Bác đến chơi đây ta với ta.

a.

- Về niêm: Chữ thứ 2 của câu 2 và câu 3 (thời – sâu), câu 4 và câu 5 (rộng – chửa), câu 6 và câu 7 (vừa – trò), câu 1 và câu 8 (bấy – đến) cùng thanh.

- Về luật: Luật trắc

- Về đối: câu 3 và câu 4, câu 5 và câu 6

b. 3 phần

- Phần 1 (6 câu đầu): Giới thiệu tình huống bạn đến chơi

- Phần 2 (6 câu tiếp): Hoàn cảnh gia đình khi bạn đến chơi

- Phần 3 (Câu cuối): Khẳng định tình bạn chân thành

c.

- Chủ đề: Ngợi ca tình bạn chân thành thắm thiết, đậm đà, mộc mạc và tràn đầy niềm vui dân dã của tác giả.

- Đặc sắc nghệ thuật:

+ Tạo tình huống bất ngờ, thú vị

+ Giọng thơ chất phác, hồn nhiên, ẩn sau câu chữ là ánh mắt lấp lánh cùng nụ cười hồn hậu, ấm áp, chân tình của nhà thơ

+ Sự kết hợp nhuần nhuyễn, tinh tế giữa ngôn ngữ đời thường và ngôn ngữ bác học